

Bản án số: 158/2022/HSST

Ngày: 20- 9- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh; Cán bộ hưu trí

2. Ông Nguyễn Bình Minh; Hiệu trưởng trường
THCS Mường Thanh - Thành phố B, tỉnh Đ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 161/2022/TLST-HS ngày 26
tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-HS
ngày 07 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn K**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 12/02/1998, tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12 phổ thông; Con ông: Quàng Văn H (Đã chết);
Con bà: Quàng Thị K; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 04/3/2020,
bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội quyết định áp dụng
biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng,
ngày 05/1/2022, bị cáo chấp hành xong, ngày 01/6/2022 bị cáo tiếp tục phạm tội, nên
chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Nhân thân: Ngày
23/12/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ
trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, nên đương nhiên
được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/6/2022 cho đến ngày xét xử (Có
mặt).

- Bị hại: Cháu Lò Văn L - Sinh ngày: 11/4/2006; Địa chỉ: Bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của cháu L: Anh Lò Văn H; Địa chỉ: Bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 01/6/2022, bị cáo Quảng Văn K đi bộ đến nhà anh Lò Văn H ở bản H, xã T, thành phố B ăn cơm. Ăn cơm xong, lợi dụng lúc nhà anh H không có ai ở nhà, bị cáo đi đến chỗ chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 27AA- 090.47, trị giá 13.365.000 đồng của cháu Lò Văn L (Con trai anh H) để ở gầm nhà sàn, dùng tay phải thò vào yếm xe, rút dây điện ổ khóa xe, ngồi lên nỏ máy, điều khiển xe về nhà lấy đồ và đi thẳng xuống bản Xôm, xã T, huyện Đ chơi. Đến khoảng 20 giờ 10 phút ngày 09/6/2022, khi đang điều khiển xe máy trên đường ở bản Xôm, xã Thanh An, thì bị cảnh sát giao thông Công an huyện Đ dừng xe kiểm tra, do không có giấy tờ xe và giấy tờ tùy thân, hơi thở có nồng độ cồn 0,077mg/lít khí thở, nên bị cáo bị lập biên bản vi phạm hành chính, đồng thời tạm giữ xe.

Ngày 15/6/2022 bị cáo đến Công an thành phố B để tự thú và giao nộp cho cơ quan công an 01 biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ và 01 biên bản tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề do Công an huyện Đ lập biên bản.

Bản kết luận định giá số 22/QĐ ngày 20/6/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đ kết luận: 01 xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO; số loại 50C3S, màu sơn Cam, Biển kiểm soát: 27AA - 09047, số máy VDEJQ139FMBC51835, số khung: RPE1CBDPEMA518356, không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng có giá: 13.365.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKSTPĐBP ngày 25/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Quảng Văn K về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị hại xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người L quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, biên bản lấy lời khai, biên bản hiện trường, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 01/6/2022, tại bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo Quảng Văn K đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 13.365.000 đồng.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn xã T nói riêng, thành phố B nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình khi chưa bị ai phát hiện, bị hại, người đại diện theo pháp luật cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 23/12/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, nên đương nhiên được xóa án tích. Ngày 04/3/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng, ngày 05/1/2022, bị cáo chấp hành xong, ngày 01/6/2022 bị cáo tiếp tục phạm tội, nên chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã từng bị chấp hành hình phạt tù, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, khi trở về địa phương, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị

cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cải thiện và cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 13.365.000 đồng, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO; số loại 50C3S, màu sơn Cam, Biển kiểm soát: 27AA - 09047, số máy VDEJQ139FMBC51835, số khung: RPE1CBDPEMA518356, không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của cháu Lò Văn L; Địa chỉ: Bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả số tài sản trên cho chủ sở hữu là cháu L, cháu L đã ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật của cháu là anh Lò Văn H; Địa chỉ: Bản H, xã T, thành phố B, tỉnh Đ nhận lại tài sản. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Cháu L, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Quàng Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Xử phạt bị cáo Quàng Văn K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (15/6/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2022). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người Đại diện theo pháp luật của bị hại;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành